

GIỚI THIỆU TẤM BIA TRÙNG TU TỪ VŨ BI KÍ TẠI ĐỀN XÃ QUỲNH ĐÔI, HUYỆN QUỲNH LƯU

■ Lê Thị Thu Hương

Nghệ An là vùng đất hiếu học và khoa bảng. Tinh thần ham học của người Nghệ An có ý nghĩa lớn đối với tư tưởng Nho gia, góp phần xây dựng xã hội học tập. Tôn thờ Khổng Tử - người sáng lập Nho học, Nghệ An xưa, từ phủ đến huyện, xã, thôn nào cũng có Văn chỉ, hệ thống Văn chỉ, Văn từ, Văn miếu được người dân đặc biệt coi trọng, thường xuyên trùng tu và xây mới.

Hiện chúng tôi thống kê được 24 bia dựng tại 21 Văn từ, Văn chỉ trên địa bàn tỉnh Nghệ An, gồm: 7 Văn từ cấp huyện, 3 Văn từ hàng tổng và 11 Văn chỉ cấp thôn xã, nội dung nói về việc tôn thờ đạo Nho, sùng kính tiên sư. Một trong những lý do để dân xã xây mới, trùng tu Văn chỉ, Văn từ là muốn có nơi thờ phụng các vị Tiên hiền, Tiên thánh, phụ thờ các thầy dạy và những người đỗ đạt khoa trường của địa phương. Việc phụng thờ những người kiến lập biểu thị tinh thần tôn sư trọng đạo, khuyến khích đời sau cố gắng học hành, phát huy truyền thống khoa bảng của địa phương, bởi: “*Việc sùng kính tiên sư, biểu dương bậc hiền tài, khích lệ kẻ hậu tiến, đều là ở việc ấy cả, điều này có liên quan hệ trọng với danh giáo, thành thực rất to lớn,*

không thể một ngày không có được”⁽¹⁾.

Hiện kho thác bản văn bia của Viện Nghiên cứu Hán Nôm đang lưu giữ tấm bia *Trùng tu từ vũ bi kí/ Trùng tu từ vũ quyên cung bi kí* được sưu tầm tại đền xã Quỳnh Đôi, tổng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, phủ Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, nay là xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Thác bản bia gồm 2 mặt, kí hiệu N 2832-2833, khổ 53x75cm, chữ Hán, không có hoa văn, chữ hủy. Văn bia còn được chép trong cuốn *Quỳnh Đôi cổ kim sự tích hương biên tiểu dẫn*, kí hiệu A.3154 (tr.9b -10b).

Tiền sĩ Văn Đức Giai 文德佳 (1807-1864), tự là Mỹ Phủ 美甫, hiệu là Mai Xuyên 梅川 và Mộ Hàn 慕韓, người xã Phú Hậu, huyện Quỳnh Lưu, đậu Tiến sĩ khoa Giáp Thìn niên hiệu Thiệu Trị 4 (1844) soạn; Tú tài Hồ Văn Viện viết chữ. Dòng niên đại trên thác bản ghi năm Bảo Hưng thứ 5 (1805) là ngụy tạo, bản A.3154 ghi là: Thiệu Trị thứ 5 (1845), *Thư mục thác bản văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, tập 2, tr.304 cũng ước đoán là Thiệu Trị thứ 5.

Nội dung: Nói về việc cụ Giám sinh Trần Cảnh lấy đất nhà làm Văn chỉ của thôn, sau vì thế đất tốt nên lấy làm Văn chỉ của huyện. Thời Cảnh Hưng, Tiền sĩ Trần Danh Lâm khi làm Đốc thị

Nghệ An cho mở mang Văn chỉ; tiếp đến năm Nhâm Thân, các văn thân trong huyện Quỳnh Lưu cùng bản thôn trùng tu; năm Giáp Thìn, Hội Tư văn quyền góp tu sửa, lợp mái ngói, ốp khảm trai. Việc xây dựng, trùng tu Văn chỉ thể hiện

tinh thần tôn sư trọng đạo, sùng kính đạo Nho, khuyến khích hậu học.

Sau đây chúng tôi xin giới thiệu toàn văn tấm bia.

Phiên âm

[N⁰2833] Trùng tu từ vũ bi kí

Hưng tác hữu chí, tường kỳ sự dĩ thị hậu dã. Ngô huyện chi hữu từ vũ cổ hỹ, tương truyền tự Hoàng Mai thiên Quỳnh Lâm, di chế vô khả khảo. Kim tại Quỳnh Đôi thôn dân cư chi Tây giả, cố Lê Giám sinh Hoàn Hải Tử (công tính Trần, danh Cảnh, Quỳnh Đôi thôn nhân, hiệu Hoàn Hải Tử, Hoàng Định niên gian Hương công, Hội thí trùng tam trường) dĩ sở cư địa vi y thôn Văn hội từ chỉ dã. Kỳ địa đình long dẫn mạch, đình thủy đảo đường, Thiên mã lâm Bính Ngọ chi phương, Song bảng liệt Giáp Canh chi vị, huyện trung hảo để phong thủy, bản huyện nhân bốc trúc yên. Lê Cảnh Hưng trung, Bắc Ninh (cự xung Kinh Bắc) Gia Bình (cự xung Gia Định) Trần tướng công (công tự danh Lâm, Bảo Triện xã nhân) dĩ Tiến sĩ lãnh Nghệ An Đốc thị (thời Nghệ An, Hà Tĩnh thượng hợp vi nhất thông xung Nghệ An xứ, phạm thập nhị huyện [...] thập nhất niên thủy phân thiết), thuộc hạt chư huyện từ vũ công tự quyền gia si dĩ hưng chi, tăng kỳ cụ chế. Ngô huyện từ vũ vu thị xung luân hoán hĩ.

(...) thập nhất niên Nhâm Thân, bản huyện tịnh Quỳnh Đôi, thôn Văn hội nhân cụ trùng tu, tích chi tuế cửu tâm phục đòi tệt, chư tiên đạt lũy dục doanh chi, sự vị quả. Tuế Giáp Thìn tương dữ mưu viết: tu tập từ vũ, chư tiên quân tử chi chí dã, nghi thành chi. Giai viết: khả. Nhân hội tiền, chư sảo hữu hằng sản giả diệc nguyện xuất tài trợ phí, ư thị tự tài mộc, mãi bạng cấp phiến, do tứ tổng cai Phó tổng viên thôi sức dân phu ứng dịch. Trạch Tú tài Phan Phạm Bảo, Hồ Phi Hội hiệp đồng Tuấn Trường Tú tài Nguyễn Phi Hiển, Hồ Chí Mẫn đồng kỳ sự. Lương đồng, suy giác [...] hoại giả tân chi, kiên hảo giả. Nhân chi, phú dĩ ngô cơ vũ, môn bích, tịnh dụng bạng cấp đồ ác sắc. Dĩ bản niên tam nguyệt thượng tuần khởi công, viết bát nguyệt hạ tuần nhi cáo thuân. Tuy vô xỉ tiền nhân, diệc vô phé hậu quan. Kí lạc thành, hàm viết: tu bỏ tất công hĩ, khả vô ngôn dĩ chí chi hồ? Phu ngô đạo tại thiên địa gian, chu lưu bàng bạc, vị thủy bất tồn, nhi



Thác bản bia “Trùng tu từ vũ bi kí” tại VNCHN kí hiệu N°2832 - 33

XỨ NGHỆ - ĐẤT VÀ NGƯỜI

thiên lý tại nhân tâm, kỳ cảm phát tự bất năng dĩ. Phụng kim ngã Hoàng thượng trọng đạo tôn sư, long nho thủ sĩ. Ngô huyện văn hiến áp dã, khoa bảng hằng bất pháp nhân. Kế kim dĩ vãng, nhân thời nhi tu chi giả, diệc tương hữu sở khảo đính ư tư yên. Thị vi kí. Nhân tương sở hội tiền tịnh chư xuất tài trợ phí giả lộ liệt như tả.

Thời Bảo Hưng vạn vạn niên chi ngũ, tuế tại Ất Tỵ bát nguyệt cát nhật.

Giáp Thìn khoa Đệ Tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân Văn Đức Giai cung soạn.

Tú tài Hồ Văn Viện cẩn thư.

[N^o2832] **Trùng tu từ vũ quyền cung bi kí**

Quỳnh Đôi thôn Văn hội nhị bách quan (Quỳnh Đôi dĩ hạ, huyện thân dĩ hạ).

Nguyên Sơn Tây tỉnh Án Sát Phạm Đình Toái nhất bách quan.

Nguyên Quảng Hóa phủ Tri phủ Hồ Ngọc Ban nhất bách quan.

Tam Tuyên quân thứ Tán lý Dương Doãn Hải nhị bách quan.

Công bộ Thượng thư Hồ Trọng Thịnh nhất bách quan.

Tuyên Quang tỉnh Án sát Nguyễn Xuân Nhuận ngũ thập quan.

Nguyên Hàm Thuận phủ Tri phủ Trương Đình Kiên bạch kim thập lượng.

Thị giảng Học sĩ Thương biện Nghệ An tỉnh vụ Nguyễn Tế Mỹ tam thập quán.

An Bình phủ Tri phủ Phan Hữu Quế tứ thập quan.

Mai Đà châu Tri châu Nguyễn Viết Xương thập quan (Thiện Ky)

Tú tài Đỗ Huy Quán thập quan (Quỳnh Văn).

Nam Định tỉnh Tổng đốc Vũ Trọng Bình bạch kim ngũ thập lượng. (Quảng Bình, phụ cúng dĩ hạ).

Hộ bộ Tham tri Lê Lượng Bạt bạch kim thập lượng (Chân Lộc).

Bản huyện Tri huyện Hồ Thịnh tam thập quan (Thừa Thiên).

Bản huyện Tri huyện Nguyễn Kỳ nhất bách quan (Hải Dương).

Bản huyện Huấn đạo Nguyễn Trí Diệu lục quan

(Hà Tĩnh dĩ hạ).

Bản huyện Huấn đạo Nguyễn Trinh ngũ quan.

Bản huyện Lại mục Hà Huy Hách ngũ quan, Nha lại nhị thập quan.

Dịch nghĩa

Bia ghi việc sửa chữa ngôi đền

Việc xây dựng có Văn ghi chép, là nói rõ việc ấy để chỉ cho đời sau biết vậy. Huyện ta có Từ vũ từ xưa, tương truyền là từ Hoàng Mai dời đến Quỳnh Lâm⁽²⁾, chế độ cũ không còn tra cứu được. Nay chỗ phía Tây khu dân cư thôn Quỳnh Đôi là đất của Giám sinh Hoàn Hải Tử thời Lê cũ (Ông họ Trần tên Cảnh, người Quỳnh Đôi, hiệu Hoàn Hải Tử. Năm Hoằng Định (1601-1619) thời Lê đở Hương công⁽³⁾, thi Hội trúng tam trường) ông dùng đất ở làm Văn hội của thôn. Đất ấy có long phương đình dẫn mạch, thủy phương đình đến minh đường, có thiên mã lâm phương Bính Ngọ, có hai cái bảng ở vị trí Giáp Canh⁽⁴⁾ là một thế phong thủy tốt trong huyện. Bản huyện nhân đó chọn để xây dựng. Năm Cảnh Hưng đời Lê (1740-1786) Trần tướng công⁽⁵⁾ (ông tên tự là Danh Lâm, người xã Bảo Triện) ở Gia Bình (trước gọi là Gia Định), Bắc Ninh (trước gọi là Kinh Bắc) là Tiến sĩ giữ chức Đốc thị⁽⁶⁾ ở Nghệ An (khi ấy Nghệ An, Hà Tĩnh còn hợp nhất, gọi là xứ Nghệ An, gồm 12 huyện. Năm Minh Mệnh thứ 12 (1831) mới tách ra). Từ vũ ở các huyện thuộc hạt, ông tự bỏ của nhà ra làm, tặng hơn khuôn mẫu cũ. Từ vũ huyện ta từ đó được khen là rất khang trang.

Niên hiệu Gia Long thứ 11, năm Nhâm Thân (1812) Văn hội⁽⁷⁾ bản huyện và thôn Quỳnh Đôi nhân nếp cũ sửa sang lại, lâu năm lại đổ nát, các bậc tiên quân tử nhiều lần muốn sửa sang, nhưng việc

chưa thực hiện được. Đến năm Giáp Thìn cùng nhau mưu tính rằng: Sửa sang Từ vũ là chí hướng của các bậc quân tử trước đây đây, nên làm cho được. Mọi người đều nói làm được. Nhân có số tiền của Hội và các nhà khá giả cũng muốn xuất của ra giúp phí. Thế rồi góp gỗ, mua vỏ sò, do Cai tổng⁽⁸⁾, Phó tổng bốn tổng đôn đốc dân phu làm việc. Chọn Tú tài⁽⁹⁾ là Phan Phạm Bảo, Hồ Phi Hội hợp với Tú tài ở Tuấn Trường là Nguyễn Phi Hiền, Hồ Chí Mẫn trông nom công việc. Rường cột, rui mè cái nào mọt hỏng thì thay mới, cái nào bền tốt để lại. Nhân đó lợp ngói. Nền nhà, cửa, tường đều dùng vỏ sò, quét màu đất. Từ thượng tuần tháng Ba năm ấy khởi công, qua hạ tuần tháng Tám thì xong. Tuy không hơn tiền nhân, cũng không bỏ để đời sau quan chiêm. Khi hoàn thành, mọi người đều nói rằng: Tu bổ xong rồi, há không có lời để ghi lại sao?

Đạo Nho ta mênh mông bàng bạc trong khoảng đất trời, mà thiên lý thì ở lòng người, lòng cảm phát không thể thôi được. Nay Hoàng thượng ta tôn sư trọng đạo, hưng Nho chọn lấy sĩ. Huyện ta là ấp văn hiến, khoa bảng thường không thiếu người. Từ nay về sau, tùy thời mà tu sửa, sẽ có sự khảo cứu ở nơi này, vậy nên ghi lại.

Nhân đó đem số tiền của Hội và tiền của mọi người bỏ ra giúp đỡ chi phí, xin liệt kê đây đủ ở sau.

Ngày lành tháng Tám năm Ất Tỵ niên hiệu Bảo Hưng thứ 5 (1805), Giáp Thìn khoa Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân⁽¹⁰⁾ Văn Đức Giai cung kính soạn.

Tú tài Hồ Văn Viện kính cẩn viết chữ.

Văn bia ghi việc quyên cúng sửa chữa ngôi đền

Hội Tư văn thôn Quỳnh Đôi 200 quan (dưới đây là người thôn Quỳnh Đôi, Văn thân huyện).

Nguyên Án sát⁽¹¹⁾ tỉnh Sơn Tây Phạm Đình Toái 100 quan.

Nguyên Tri phủ⁽¹²⁾ phủ Quảng Hóa Hồ Ngọc Ban 100 quan.

Tán lý⁽¹³⁾ quân thứ Tam Tuyên Dương Doãn Hải 200 quan.

Công bộ Thượng thư⁽¹⁴⁾ Hồ Trọng Thịnh 100 quan.

Án sát tỉnh Tuyên Quang Nguyễn Xuân Nhuận 50 quan.

Nguyên Tri phủ phủ Hàm Thuận Trương Đình Kiên 10 lạng vàng trắng.

Thị giảng Học sĩ⁽¹⁵⁾ Thượng biện Tỉnh vụ tỉnh Nghệ An Nguyễn Tế Mỹ 30 quan.

Tri phủ phủ An Bình Phan Hữu Quế 40 quan.

Tri châu⁽¹⁶⁾ châu Mai Đà Nguyễn Việt Xương 10 quan (người xã Thiện Kỳ).

Tú tài Đỗ Huy Quân 10 quan (người xã Quỳnh Vãn).

Tổng đốc⁽¹⁷⁾ tỉnh Nam Định Vũ Trọng Bình 50 lạng vàng trắng. (tỉnh Quảng Bình, phụ cúng dưới đây)

Tham tri⁽¹⁸⁾ Bộ Hộ Lê Lượng Bạt 10 lạng vàng trắng (người huyện Chân Lộc).

Tri huyện⁽¹⁹⁾ bản huyện Hồ Thịnh 30 quan (người tỉnh Thừa Thiên).

Tri huyện bản huyện Nguyễn Kỳ 100 quan (người tỉnh Hải Dương).

Huân đạo⁽²⁰⁾ bản huyện Nguyễn Trí Diệu 6 quan (dưới đây là người Hà Tĩnh)

Huân đạo bản huyện Nguyễn Trinh 5 quan.

Lại mục⁽²¹⁾ bản huyện Hà Huy Hách 5 quan, Nha lại⁽²²⁾ 20 quan./.

Chú thích:

⁽¹⁾ Nguyên văn chữ Hán: “崇報先師，表名賢，激勵後進，皆於此乎在，其有關於名教甚大誠，不可一日無也”，南壇縣文祠碑，VHv.277, t.20b.

⁽²⁾ Trước đặt tại thôn Thiện Kỳ xã Hoàng Mai, sau chuyển về thôn Văn Tự, xã Quỳnh Lâm, tổng Quỳnh Lâm. Văn Tự là xã Quỳnh Xuân và Quỳnh Vãn. (dẫn theo *Văn bia Nghệ An*, tr.258)

⁽³⁾ Hương cống: học vị của người đỗ thi Hương triều Lê, từ năm Minh Mệnh 9 (1828) triều Nguyễn đổi gọi là Cử nhân.

⁽⁴⁾ Ý chỉ hai hòn núi châu về trong như hai cái báng, chỉ đất quý, theo phong thủy.

⁽⁵⁾ Trần Danh Lâm (1705 - 1777): Người Bắc Ninh, đậu Tiến sĩ khoa Tân Hợi (1731) trước làm Đốc đồng Cao Bằng, có công được tặng Du Linh

XỨ NGHỆ - ĐẤT VÀ NGƯỜI

hầu, thăng Hữu thị Bộ Công. Năm 1747 làm Đốc thị Nghệ An.

⁽⁶⁾ Đốc thị: theo *Lịch triều hiến chương loại chí* mục Quan chức chí: Lê Thế Tông, Quang Hưng thứ 20 (1597) cất quân đi đánh Mạc mới đặt chức Đốc thị. Giữa niên hiệu Long Đức (1732 - 1735) tại Nghệ An là nơi biên viễn trọng yếu, nên về quan văn dùng Tả hoặc Hữu thị lang làm Đốc thị, quyền ngang Đốc suất. Chức Đốc thị và Phó Đốc thị lúc cần mới đặt, không câu nệ về quân chức, phẩm trật.

⁽⁷⁾ Văn hội: tức Hội Tư văn, tổ chức của những người có học, đóng vai trò quan trọng trong hoạt động làng xã Việt Nam. Hoạt động chủ yếu của Hội là đảm nhận việc tạo lập, duy trì nơi thờ tự của Nho giáo, tham dự việc soạn hương ước, tế tự, đón rước thần sắc và khuyến học, thay chính quyền địa phương đề ra các hình thức khuyến học.

⁽⁸⁾ Cai tổng: đơn vị hành chính trên xã là tổng. Theo quy định thời Nguyễn thì số đình từ 5000 trở lên, điền từ 1000 mẫu trở lên, đường đi 2-3 ngày hoặc 4-5 ngày thì đặt 1 Cai tổng, 1 Phó tổng còn chỉ đặt 1 Cai tổng. Cai tổng còn gọi là Chánh tổng.

⁽⁹⁾ Tú tài: học vị ban cho người thi Hương đỗ 3 trường từ năm Minh Mệnh 9 (1828) triều Nguyễn (triều Lê gọi là Sinh đồ).

⁽¹⁰⁾ Độ tam giáp Đổng tiến sĩ xuất thân: tức Tiến sĩ, thức hạng cao thứ 3 của kỳ thi đại khoa, sau Độ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ và Độ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân. Học vị này bắt đầu đặt từ năm Quang Thuận thứ 3 (1462) đời Lê Thánh Tông.

⁽¹¹⁾ Án sát: năm Hồng Đức thứ 2 đặt chức Án sát ở 12 thừa tuyên và ba ty (Đô ty, Thừa ty, Hiến ty) ở Quảng Nam. Nhà Nguyễn, ty Án sát xử các tỉnh có Thông phán, Kinh lịch, Bát Cừ phẩm thư lại, Vi nhập lưu thư lại, những tỉnh nhỏ chỉ có Tuần vũ thì Án sát giữ vị trí tỉnh phó giữ việc hình. Thời Tự Đức, Án sát coi như tỉnh phó của tỉnh nhỏ.

⁽¹²⁾ Tri phủ: gọi tắt của Tri phủ sự, đầu nhà Lê các

lộ có đặt Tri phủ, Lê Thánh Tông đổi lộ làm phủ, ban ấn Tri phủ, trật Tòng lục phẩm, giữ việc tra khám lại án kiện các huyện. Thời các chúa Nguyễn ở Đàng trong (1615) đặt quy chế chức vụ phủ, huyện, Tri phủ giữ việc từ tụng.

⁽¹³⁾ Tán lý: chức quan đặt năm Quang Thuận thứ 8 (1467) cùng với phó tướng coi việc quân.

⁽¹⁴⁾ Công bộ Thượng thư: quan chế Hồng Đức và Bảo Thái cho hàm Tòng nhị phẩm, thời Nguyễn nâng lên Chánh nhị phẩm, cũng gọi là Chánh khanh.

⁽¹⁵⁾ Thị giảng học sĩ: có vị trí cao hơn Thị giảng. Thời Tống, thời Kim đặt trong Hàn lâm viện chức Thị giảng Học sĩ cùng với Thị độc học sĩ, giữ việc đọc kinh sử, giảng kinh nghĩa cho vua. Quan chế thời Hồng Đức cũng như Bảo Thái đều không có Thị giảng học sĩ.

⁽¹⁶⁾ Tri châu: năm Canh Thìn (1040) Lý Thái Tông cho Uy Minh hầu Nhật Quang làm Tri châu Nghệ An. Thời Lý quan ngoài có Tri châu, ở biên giới đặt Mục cho người địa phương giữ. Năm 1466 Lê Thánh Tông định lại phủ, huyện, châu phạm nơi biên viễn mới đặt trị sở châu, đặt Tri châu trật Tòng thất phẩm, đổi Phòng ngự sứ làm Tri châu.

⁽¹⁷⁾ Tổng đốc: chức quan quân chính cao cấp địa phương. Tổng đốc thường kiêm hàm Thượng thư bộ Binh, hàm Đô sát viện Hữu đô ngự sử.

⁽¹⁸⁾ Tham tri: đầu thời Lê là chức quan coi giữ sổ sách quân dân một đạo. Thời Nguyễn mỗi bộ đều lập Tả, Hữu tham tri đứng dưới Thượng thư. Theo quan chế Minh Mệnh, trật Tòng nhị phẩm văn giai.

⁽¹⁹⁾ Tri huyện: trưởng quan cấp huyện thời Nguyễn.

⁽²⁰⁾ Huấn đạo: là hiệu quan đặt tại phủ huyện châu, lệ thuộc quan bản phủ, khảo hạch các sinh đồ, rèn tập các học sinh. Năm Gia Long thứ 2 (1803) bắt đầu đặt chức Huấn đạo ở các huyện. Có 2 hạng phẩm trật Chánh thất phẩm, Tòng thất phẩm và Chánh bát phẩm văn giai.

⁽²¹⁾ Lại mục: chức quan giúp việc cho Tri phủ, Tri huyện thời Nguyễn. Trật Chánh cửu phẩm văn ban. ở huyện nhỏ được coi như Phó huyện.

⁽²²⁾ Nha lại: chỉ chung các viên chức làm việc tại phủ quan.